| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 4-VĨNH LONG**<br>**TỈNH VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 120/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29-4-2026
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4-VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thu Nga.**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà **Nguyễn Thị Mến.**

2. Bà **Trần Thị Kim Đồng.**

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà **Bùi Thị Kim Liên** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4-Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.***

Ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 496/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2025 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Phạm Nguyễn Thị Thiên H, sinh năm 1988. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã S, tỉnh Vĩnh Long.

*Bị đơn*: Anh Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1992. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 08/12/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Nguyễn Thị Thiên H trình bày: Chị và anh Nguyễn Hoàng N thành hôn do mai mối, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X (nay là Hòa Bình) vào ngày 01/11/2022. Sau khi kết hôn, vợ

chồng  sống và làm việc tại Khu công nghiệp H, thời gian đầu hạnh phúc đến tháng 09/2024 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm anh N không lo làm ăn và hành vi bạo lực gia đình, mâu thuẫn giữa chị và anh N ngày càng trầm trọng không thể tiếp tục chung sống được nên đã ly thân từ thành 9/2024 đến nay. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với anh N.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Hoàng N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa và không gửi văn bản trình bày ý về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

***Tại phiên tòa:***

Nguyên đơn chị Phạm Nguyễn Thị Thiên H vắng mặt có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Nguyễn Hoàng N vắng mặt lần thứ hai không lý do.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1.[1] Vê tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Nguyễn Thị Thiên H vắng mặt có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Hoàng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phạm Nguyễn Thị Thiên H và anh Nguyễn Hoàng N thành hôn năm 2022 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X (nay là xã H) tỉnh Vĩnh Long ngày 01/11/2022 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp phù hợp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình chung sống, chị Phạm Nguyễn Thị Thiên H trình bày vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh Nguyễn Hoàng N không chí thú làm ăn, có hành vi bạo lực gia đình nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 09/2024 đến nay. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh N đến tham gia hòa giải nhằm giúp đỡ chị H, anh N đoàn tụ nhưng anh N vắng mặt không lý do,

chứng tỏ anh N không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẩn vợ chồng của chị H, anh N đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H xin ly hôn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Nguyễn Thị Thiên H trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Phạm Nguyễn Thị Thiên H có nghĩa vụ nộp 300.000đ án phí ly hôn theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Các  điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Nguyễn Thị Thiên H.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phạm Nguyễn Thị Thiên H ly hôn với anh Nguyễn Hoàng N.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Phạm Nguyễn Thị Thiên H có nghĩa vụ nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0012384 ngày 18/12/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, H không phải nộp tiếp.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Viện kiểm sát nhân dân KV4-VL;
- Phòng THA DS Khu vực 4-VL;
-UBND xã Hòa Bình (GCNKH số 68 ngày 01/11/2022)
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thu Nga**